

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 SAU NĂM NĂM THỰC HIỆN (2020-2025)

TS. Vũ Văn Thuân

TS. Phạm Văn Thanh¹

I. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Nội dung chương trình và sách giáo khoa

Sau 5 năm triển khai, CTGDPT 2018 đã ghi dấu những thành tựu quan trọng, thể hiện rõ định hướng đổi mới giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm. Nội dung chương trình được thiết kế linh hoạt, tích hợp, phân hóa theo hướng mở, giúp học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực. Hệ thống sách giáo khoa mới cơ bản đã đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, tạo điều kiện để giáo viên lựa chọn phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của từng địa phương. Việc triển khai hiệu quả chương trình ở các lớp bản lẻ như lớp 5, lớp 9 và lớp 12 đã khẳng định tính khả thi, nền tảng học thuật vững chắc và sự thích ứng của đội ngũ giáo viên. Đồng thời, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá tiếp tục được đổi mới theo hướng phát huy tư duy sáng tạo, khả năng tự học và giải quyết vấn đề của học sinh. Các nhà trường đã chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện chương trình; tổ chuyên môn và giáo viên phát huy năng lực tự chủ, sáng tạo trong việc thiết kế và triển khai bài giảng, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện.

Tuy nhiên, nhiều giáo viên cho rằng chương trình còn dàn trải, thiếu tính liên thông giữa các cấp học và khối lớp. Theo Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 của (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023), việc tích hợp các môn học như Khoa học tự nhiên (ở cấp trung học cơ sở) hay Lịch sử – Địa lý (tiểu học) thiếu hướng dẫn thực tiễn, gây khó khăn trong xác định trọng tâm kiến thức. Đặc biệt, nội dung một số bài học chưa được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm vùng miền.

Việc tồn tại nhiều bộ sách giáo khoa (SGK) cho cùng một môn học cũng tạo ra khó khăn cho các trường trong lựa chọn và triển khai. Chẳng hạn như việc sáp nhập tính từ ngày 1/7/2025, khi các trường, các tỉnh hiện nay lựa chọn những bộ sách khác nhau sẽ gây khó khăn cho học sinh trong vấn đề chuyển trường và giáo viên tiếp nhận học sinh mới học bộ sách khác. TS. Bùi Nguyên Trâm Ngọc, Trưởng khoa Tiểu học – Mầm non, trường Đại học Đồng Nai, cho rằng, cấu trúc chương trình các bộ sách còn chưa thống nhất về nội dung, dẫn đến việc học sinh đang theo học những bộ sách khác nhau sẽ khó khăn khi chuyển trường trong khoảng thời gian giữa học kỳ. Chị Nguyễn Thị Chuyên, phụ huynh học sinh Trường tiểu học Bùi Thị Xuân (TP. Vũng Tàu) chia sẻ: “Năm học tới, con gái tôi vào lớp 3. Mọi năm, tôi thường mua SGK mới cho con vào đầu dịp hè để bao bì, dán nhãn và giúp con làm quen dần với chương trình học. Năm nay, vì không biết sau sáp nhập việc lựa chọn SGK có thay đổi gì không nên tôi vẫn chưa mua sách cho con” (Khánh Chi, 2025). Theo bài viết trên trang thông tin điện tử của Hội luật gia Việt Nam, nhiều trường phản ánh rằng quy trình lựa chọn SGK theo Thông tư số 25/2020/TT-

¹ Trường Đại học Đồng Nai, Email: vuthuan1984@gmail.com.

BGDĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ GD-ĐT (Thông tư 25) là rất công phu nhưng kết quả cuối cùng có thể bị bác bỏ bởi hội đồng cấp tỉnh. Điều này khiến giáo viên và nhà trường cảm thấy việc lựa chọn SGK không thực sự dân chủ, gây tâm lý “chọn cho an toàn” thay vì chọn vì chất lượng giáo dục (Nguyễn Hoa Trà, 2021).

Một số nội dung trong SGK chưa kịp cập nhật các thay đổi về địa giới hành chính sau khi sáp nhập tỉnh, thành theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Bộ GD-ĐT cũng đã xác định rằng các môn như Lịch sử và Địa lý lớp 4, 5, 9; Địa lý lớp 12; Lịch sử và Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 đang chứa thông tin cũ về địa danh, bản đồ, số liệu kinh tế – xã hội và sẽ cần được chỉnh sửa để phù hợp với thực tế mới. Điều này làm tăng áp lực soạn bài và dễ gây sai lệch thông tin nếu giáo viên không được hướng dẫn kịp thời (Tuổi trẻ, 2025).

Một vấn đề khác là việc tồn tại nhiều bộ SGK cho cùng một môn học có nhiều lần hướng dẫn thay đổi việc lựa chọn dẫn đến những bối rối trong việc lựa chọn sách giao khoa, cụ thể:

- Chương trình GDPT cũ chỉ có 1 bộ SGK được áp dụng chung trong các cơ sở giáo dục, nhưng chương trình GDPT mới lại có nhiều bộ SGK khác nhau. Năm học đầu áp dụng chương trình mới (2020-2021) có đến 5 bộ SGK khác nhau, còn từ năm thứ 2 cho đến nay đã “rút xuống” còn 3 bộ SGK. Trong 3 bộ sách này, có 2 bộ của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (thuộc Bộ GD-ĐT) biên soạn và 1 bộ của Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam biên soạn.

- Theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT, ngày 30/1/2020 của Bộ GD-ĐT (Thông tư 01) về Hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT thì các cơ sở giáo dục được quyết định chọn một trong số các bộ SGK đã được Bộ GD-ĐT phê duyệt. Mỗi cơ sở GDPT thành lập một hội đồng chọn sách dưới sự điều hành của hiệu trưởng, sau khi có kết quả sẽ công khai với phụ huynh và báo cáo với cấp trên. Thế nhưng, Thông tư 01 cũng chỉ được áp dụng duy nhất trong năm học 2020-2021, sau đó lại có thay đổi ở năm học tiếp theo.

- Lần thứ 2 Bộ GD-ĐT ban hành quy định chọn SGK là vào tháng 8/2020. Lần này, Bộ ban hành Thông tư 25 thay cho Thông tư 01 trước đó. Thông tư 25 quy định việc lựa chọn bộ SGK nào là do hội đồng lựa chọn SGK do UBND cấp tỉnh lập và quyết định.

- Lần thứ 3, trước những bất cập trong việc biên soạn và tổ chức lựa chọn SGK trong những năm học đầu tiên khi áp dụng CTGDPT 2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo việc giám sát về hoạt động này. Qua đó, đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có đánh giá: “Quy định về lựa chọn SGK tại Thông tư số 25 chưa chặt chẽ, dẫn tới cách thức triển khai không thống nhất giữa các địa phương; tạo ra kẽ hở để trục lợi, cạnh tranh không lành mạnh” (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023). Do đó, ngày 28/12/2023, Bộ GD-ĐT ban hành Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT. Thông tư này thay thế cho Thông tư 25 ban hành tháng 8/2020. Lần này, việc chọn SGK tiếp tục được giao về cho các cơ sở giáo dục thực hiện, giống như quy định trong Thông tư 01 từng được áp dụng trong lần đầu tiên chọn sách theo chương trình mới. Như vậy, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục sẽ được trao lại quyền lập, tổ chức thực hiện kế hoạch chọn sách và phải chịu trách nhiệm giải trình về kết quả chọn SGK của cơ sở giáo dục do mình phụ trách.

Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023) đã chỉ rõ: Việc lựa chọn, sử dụng SGK còn nhiều bất cập, chưa phát huy tốt vai trò của giáo viên, học sinh và phụ huynh trong quá trình lựa chọn. Ngoài ra, nội dung của một số SGK vẫn còn xa rời thực tiễn địa phương, gây khó khăn cho giáo viên trong việc kết nối kiến thức với đời sống học sinh: “Thiết kế nội dung các môn học

tích hợp ở cấp THCS còn bất cập; chưa phù hợp với đặc điểm vùng miền, thiếu tính thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức dạy học” (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023).

2. Đội ngũ giáo viên và công tác chuyên môn

Sau 5 năm triển khai, CTGDPT 2018 đã mở ra cơ hội để đội ngũ giáo viên đổi mới tư duy và phương pháp dạy học. Nhiều giáo viên, đặc biệt ở bậc tiểu học được trực tiếp xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện lớp học. Tổ chuyên môn ở nhiều trường đã chủ động hơn trong việc sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, bước đầu hình thành văn hóa học tập nghề nghiệp trong nhà trường.

Tuy nhiên, một khảo sát được thực hiện trong năm học 2020–2021 cho thấy: 22,8% ý kiến giáo viên cho rằng, đội ngũ giáo viên chưa có đủ năng lực để đáp ứng được yêu cầu đổi mới của CTGDPT 2018 và 57% giáo viên lớp Một cảm thấy bối rối khi xây dựng kế hoạch dạy học cá thể hóa và áp dụng đánh giá phát triển năng lực học sinh. Hơn 40% giáo viên được hỏi cho biết họ gặp khó khăn khi thiết kế bài học lồng ghép hoạt động trải nghiệm hoặc xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực (Bùi Ngọc Diệp, 2022).

Nghị quyết của Quốc hội năm 2023 cũng chỉ rõ: “Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và thiếu giáo viên dạy các môn học mới diễn ra phổ biến. Cả nước còn thiếu 62.877 giáo viên phổ thông; thừa cục bộ 5.091 giáo viên. Từ nay đến năm học 2024 - 2025, cấp tiểu học thiếu 6.621 giáo viên môn Tin học và 5.780 giáo viên môn Ngoại ngữ; cấp trung học cơ sở thiếu 6.631 giáo viên môn Lịch sử và Địa lý, thừa cục bộ 375 giáo viên; thiếu 2.366 giáo viên môn Khoa học tự nhiên, thừa cục bộ 4.627 giáo viên; thiếu 4.321 giáo viên môn Nghệ thuật, thừa cục bộ 885 giáo viên. Cơ cấu đội ngũ giáo viên chưa cân đối giữa các môn học trong cùng một cấp học, giữa các vùng miền; chưa đồng bộ giữa cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, nhất là đối với một số môn học mới. Chất lượng giáo viên không đồng đều. Công tác tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên cốt cán, giáo viên đại trà để triển khai CTGDPT 2018 được triển khai trong thời gian ngắn, hiệu quả chưa cao, nhất là hình thức tập huấn trực tuyến.” (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023). Ở một số địa phương, việc cử giáo viên tham gia tập huấn còn mang tính luân phiên hành chính, thiếu ổn định về đội ngũ cốt cán, gây gián đoạn chuỗi phát triển năng lực chuyên môn trong trường.

Đặc biệt, tâm lý nghề nghiệp của giáo viên đang chịu nhiều áp lực. Sự thay đổi của CTGDPT 2018 kéo theo hàng loạt những đòi hỏi về năng lực giáo viên để đáp ứng mục tiêu chương trình. Do vậy, trong thời gian này, giáo viên gặp không ít những khó khăn cần khắc phục. Một khảo sát cho thấy mức độ “Rất áp lực” của giáo viên đang chiếm ưu thế, trong đó “Phương pháp dạy học đáp ứng mục tiêu chương trình” nhiều giáo viên đánh giá mức độ áp lực cao nhất (37.3% giáo viên lựa chọn) và “Yêu cầu phát triển chuyên môn theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp” chiếm vị trí thứ 2 (36.9% giáo viên lựa chọn) (Phạm Thị Hồng Thắm, 2023).

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và điều kiện triển khai

Việc triển khai CTGDPT 2018 đòi hỏi sự nâng cấp đồng bộ về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Trong những năm qua, nhiều địa phương đã có nỗ lực đầu tư đáng kể. Theo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023), “cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở nhiều địa phương đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình mới”. Một số tỉnh, thành phố lớn đã thí điểm mô hình lớp học thông minh, tăng cường phòng học bộ môn và thư viện đạt chuẩn.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu theo tiêu chuẩn đã ban hành, số phòng học chưa được kiên cố hóa còn lớn (59.514 phòng học), tập trung chủ yếu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Còn thiếu nhiều phòng học nhất là ở khu vực đô thị, địa bàn có

hiều khu công nghiệp, khu chế xuất. Tổng số phòng học bộ môn còn thiếu của các cấp học là 63.920 phòng, trong đó thiếu 3.031 phòng học tin học và 5.517 phòng học ngoại ngữ; thiếu 2.086 thư viện. Tỷ lệ đáp ứng về thiết bị dạy học theo chuẩn quy định trên phạm vi cả nước thấp, trung bình chỉ đáp ứng được 54,3%. Việc quy hoạch, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học chưa đáp ứng nhu cầu (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023).

Về thiết bị dạy học cũng rất thiếu thốn, số lượng bộ thiết bị giáo dục cần bổ sung lớn (166.195 bộ), việc mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu ở các địa phương rất khó khăn. Thiết bị chuyên dùng tại các phòng học bộ môn ngoại ngữ, tin học còn thiếu; nhiều thiết bị đã cũ, chưa được bổ sung kịp thời (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023). Một kết quả nghiên cứu khác cũng cho thấy cả nước hiện có 211.572 bộ thiết bị dạy học, chỉ đạt khoảng 0,5 bộ/phòng. Tỷ lệ đáp ứng về thiết bị dạy học theo chuẩn quy định trên phạm vi cả nước còn thấp, trung bình chỉ đáp ứng được 54,3%. Số lượng bộ thiết bị cần bổ sung lớn trong khi việc mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu ở các địa phương còn chậm, ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học trong các cơ sở GDPT (Thái Bình, 2023).

4. Công tác quản lý và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường là một yêu cầu bắt buộc trong bối cảnh triển khai CTGDPT 2018. Theo đề nghị của Bộ GD-ĐT, kế hoạch giáo dục của nhà trường cần đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và cơ sở giáo dục; đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Tuy nhiên, nhiều trường vẫn còn lúng túng trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc thù địa phương. Ý kiến giáo viên cho rằng: việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường còn mang tính chung chung, chưa cụ thể. Hạn chế của năm học trước đôi khi chưa khắc phục được ở năm học sau. Giáo viên chưa mạnh dạn phản ánh tâm tư, nguyện vọng; thiếu thẳng thắn đánh giá những ưu điểm, hạn chế của chương trình và SGK. Việc xây dựng kế hoạch môn học cho phù hợp với thực tiễn từng trường chưa thể hiện rõ nét; đa số lớp trong khối của các trường trên cùng địa bàn giống nhau (Hiếu Nguyễn, 2024).

Một số tổ chuyên môn chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Việc sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Nhiều giáo viên vẫn có tâm lý “soạn giáo án theo mẫu” thay vì chủ động thiết kế hoạt động học tập phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện lớp học. Khi triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, nhiều giáo viên còn làm việc chiếu lệ, chưa đầu tư sâu, một bộ phận giáo viên chưa chủ động trong việc đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp... hình thức tổ chức, xây dựng phân phối chương trình phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, việc giáo viên chưa được đào tạo về dạy học tích hợp đã phải phân công dạy học tích hợp khiến việc dạy học chưa đạt hiệu quả như mong muốn, giáo viên gặp nhiều khó khăn (Nguyễn Trọng Đức và nhóm nghiên cứu, 2023).

II. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

Từ thực trạng đã nêu, có thể nhận diện nhiều nguyên nhân đan xen về chuyên môn, quản lý và điều kiện triển khai... tuy nhiên, trong khuôn khổ tham luận này, chúng tôi tập trung phân tích bốn nguyên nhân chính sau:

1. Về nội dung chương trình và sách giáo khoa, nguyên nhân cốt lõi nằm ở sự thiếu đồng bộ và chuẩn hóa trong quá trình xây dựng và triển khai chương trình. Việc ban hành chương trình theo hình thức “cuốn chiếu” khiến giáo viên ở cấp sau không có cái nhìn tổng thể, gây đứt gãy trong tổ chức nội dung liên thông giữa các cấp học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024). Việc thiết kế các môn học tích hợp như Khoa học tự nhiên hay Lịch sử – Địa lý còn bất cập, thiếu hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn trong thực hành sư phạm. Ngoài ra, SGK nhiều bộ, thay đổi chính sách lựa chọn SGK liên tục qua các thông tư (01/2020, 25/2020, 27/2023 của Bộ GD&ĐT) làm suy giảm tính ổn định và nhất quán trong triển khai. Thêm vào đó, nội dung SGK chưa phản ánh đầy đủ những thay đổi hành chính – xã hội đang diễn ra. Sau khi Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sáp nhập các tỉnh thành được ban hành, một số môn học như Địa lý, Lịch sử, Giáo dục kinh tế – pháp luật vẫn còn chứa thông tin lỗi thời. Điều này gây khó khăn cho giáo viên khi giảng dạy và có nguy cơ làm lệch thông tin nếu không có hướng dẫn cập nhật kịp thời.

2. Đội ngũ giáo viên tuy đã có chuyển biến tích cực, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong thích ứng với yêu cầu mới do năng lực chưa đồng đều. Nguyên nhân chủ yếu đến từ công tác bồi dưỡng, tập huấn còn hình thức, thiếu chiều sâu và chưa gắn chặt với thực tiễn lớp học. Nghiên cứu của Bùi Ngọc Diệp (2022) cho thấy: còn khá nhiều giáo viên chưa hiểu đầy đủ về CTGDPT 2018 trước khi triển khai thực hiện giảng dạy (20,5%), nhiều giáo viên vẫn gặp khó khăn trong việc thiết kế hoạt động đánh giá thường xuyên (53,4%) và gặp khó khăn trong thiết kế các hoạt động đánh giá định kỳ (49,3%). Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt giáo viên các môn học mới và sự phân bố không đồng đều giữa các vùng miền cũng là một rào cản lớn. Theo số liệu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023), cả nước còn thiếu gần 63.000 giáo viên phổ thông, đặc biệt thiếu giáo viên Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học tự nhiên. Việc thiếu giáo viên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy mà còn tạo áp lực lớn lên những giáo viên đang giảng dạy trái môn hoặc môn mới chưa được đào tạo chính quy.

3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu và chưa đồng bộ giữa các vùng miền. Sự chênh lệch về điều kiện cơ sở vật chất giữa các địa phương là nguyên nhân khách quan nhưng có tác động lớn đến hiệu quả triển khai chương trình. Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa bình quân của cả nước đạt từ 82% trở lên (theo từng cấp học). Tuy nhiên, các vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ kiên cố hóa thấp hơn bình quân của cả nước. Bên cạnh đó, vẫn có hiện tượng thiếu phòng học cục bộ tại các khu vực có mật độ dân cư cao, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn (Trịnh Thu, 2024). Mặc dù nhiều tỉnh thành đã có đầu tư bước đầu, nhưng con số thống kê cho thấy cả nước vẫn còn thiếu hơn 59.000 phòng học kiên cố, chủ yếu ở vùng nông thôn, miền núi, và những nơi có mật độ dân cư tăng nhanh (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2023). Các phòng bộ môn, thư viện, phòng thực hành cũng còn rất hạn chế. Thiết bị dạy học đạt chuẩn còn thiếu nghiêm trọng.

Số lượng bộ thiết bị dạy học cần bổ sung lớn trong khi việc mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu ở các địa phương còn chậm, ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học trong các cơ sở GDPT. Máy tính được trang bị tại các phòng học bộ môn Tin học mới đáp ứng nhu cầu cơ bản, đa phần là cấu hình thấp, đã được trang bị từ lâu. Thiết bị chuyên dùng của phòng học bộ môn ngoại ngữ còn thiếu, chủ yếu là những thiết bị cầm tay, đơn chiếc phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên (Thái Bình, 2023). Mặt khác, sự chậm trễ trong thực hiện chuyển đổi số cũng góp phần làm gia tăng khoảng cách số giữa các vùng. Nhiều địa phương chưa xây dựng được hệ thống học liệu số, nền tảng học trực tuyến dùng chung. Trong khi đó, CTGDPT 2018 đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên sử dụng tư liệu điện tử, thiết kế bài giảng số, và tích hợp công nghệ thông tin vào dạy học.

4. *Công tác xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường còn hình thức, thiếu thực tiễn.* Một trong những trở ngại lớn trong triển khai CTGDPT 2018 là việc nhiều trường phổ thông, đặc biệt ở vùng khó khăn, chưa cụ thể hóa được chương trình quốc gia thành kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp. Theo Nguyễn Trọng Đức (2022), việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp tổ chức dạy học vẫn còn chung chung; trong khi đó, giáo viên vẫn thường soạn giáo án theo mẫu, thiếu sáng tạo. Điều này khiến kế hoạch giáo dục thiếu tính linh hoạt, không phản ánh đúng đặc điểm học sinh, cơ sở vật chất hay năng lực đội ngũ. Nguyên nhân chính nằm ở việc chưa có hệ thống hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về xây dựng và vận hành kế hoạch giáo dục nhà trường. Nhiều giáo viên và cán bộ quản lý chưa được đào tạo bài bản về cách tiếp cận xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt, theo định hướng phát triển phẩm chất – năng lực. Khảo sát cho thấy, việc sinh hoạt chuyên môn vẫn nặng về hình thức, chưa đi vào nghiên cứu bài học thực chất (Hiếu Nguyễn, 2024).

Ngoài ra, nhiều giáo viên còn làm kế hoạch chiếu lệ, chưa đầu tư sâu, một bộ phận giáo viên chưa chủ động trong việc đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp... hình thức tổ chức, xây dựng phân phối chương trình phù hợp với tình hình thực tế. Khung kế hoạch công kênh, phức tạp, dài, lặp đi lặp lại, gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên; Kế hoạch bài dạy dài, tài liệu chưa có nhiều, giáo viên mất nhiều thời gian và phải tự tìm tòi, mua sắm tốn kém kinh phí; Thiếu giáo viên được đào tạo các môn học mới, các nội dung dạy học tích hợp khi tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục. Chẳng hạn như môn khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, nội dung giáo dục địa phương... (Nguyễn Trọng Đức và nhóm nghiên cứu, 2023).

Một nguyên nhân quan trọng khác là việc chậm trễ trong ban hành bộ chuẩn chương trình và tài liệu hướng dẫn giảng dạy. Một khảo sát cho thấy hiện nay, chỉ 4% giáo viên tự tin giảng dạy môn tích hợp do việc đào tạo này ở nhiều nơi mới dừng ở mức khai vỡ, còn đào tạo “thực chiến” vẫn hạn chế dẫn đến giáo viên gặp lúng túng khi triển khai. Ngược lại, có một số giáo viên sau khi được bồi dưỡng và tự rèn luyện tích cực, khi trở về trường lại không có điều kiện để giảng dạy trong thực tiễn vì các điều kiện khác nhau (Lê Phương, 2024). Điều này khiến giáo viên phải tự diễn giải yêu cầu cần đạt, dẫn đến sự không thống nhất trong cách hiểu và triển khai chương trình.

Nhìn chung có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, hạn chế trong triển khai CTGDPT 2018, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là thiếu sự chuẩn bị, thời gian chuẩn bị chưa phù hợp dẫn đến những khó trong việc lựa chọn SGK, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và xây dựng kế hoạch giảng dạy.

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. *Tinh chỉnh nội dung chương trình và sách giáo khoa phù hợp thực tiễn.* Chương trình và SGK, cần tiếp tục rà soát, tinh giản nội dung theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, giảm trùng lặp, tăng tính mở để giáo viên linh hoạt điều chỉnh. Trong bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính, các môn như Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế – pháp luật cần được cập nhật kịp thời bản đồ, số liệu, địa danh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15. Mặc dù giữ ổn định SGK để giảm xáo trộn, Bộ GD-ĐT cần tăng cường xây dựng tài liệu hướng dẫn đi kèm, hỗ trợ kiến thức địa phương phù hợp với địa giới mới. Quy trình lựa chọn SGK cũng cần được thống nhất rõ ràng, tránh thay đổi liên tục gây khó khăn cho địa phương và các trường trong việc lựa chọn bộ SGK phù hợp. Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023) cũng yêu cầu “Tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa

phương, trong đó có phân cấp về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương; phát huy sự chủ động của các cơ sở giáo dục, các nhà giáo trong triển khai CTGDPT 2018”.

2. *Đổi mới bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giáo viên.* Phải tiếp tục tổ chức các đợt bồi dưỡng giáo viên theo hướng chuyên sâu, gắn với thực tế giảng dạy và có tính tương tác cao. Các nội dung bồi dưỡng cần cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của từng môn học, cấp học, kèm theo hệ thống ví dụ minh họa, bài giảng mẫu. Thời gian và phương thức tổ chức cần linh hoạt để giáo viên có điều kiện tiếp thu hiệu quả hơn. Cần có khảo sát đánh giá giáo viên trước và sau khi tập huấn để thường xuyên đổi mới phương pháp tập huấn nhằm đạt tới hiệu quả cao hơn. Với các môn học mới, nên có kế hoạch đào tạo sư phạm chuyên biệt và tuyển dụng sớm, hạn chế việc kiêm nhiệm hoặc dạy chéo môn gây giảm hiệu quả dạy học. Các chế độ đãi ngộ cũng cần được hoàn thiện để khuyến khích giáo viên công tác tại vùng khó khăn. Đồng thời, cần giải quyết dứt điểm tình trạng thừa – thiếu giáo viên cục bộ bằng cách rà soát, điều tiết và tuyển dụng nhân lực có định hướng theo vùng, nhất là đối với các môn học mới như Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật.

3. *Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và chuyển đổi số đồng bộ.* Cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho các vùng khó khăn, đảm bảo tối thiểu mỗi trường có các phòng học kiên cố, phòng bộ môn và thư viện đạt chuẩn. Việc bố trí ngân sách nên được thực hiện theo lộ trình và có sự giám sát chặt chẽ để tránh đầu tư dàn trải. Đồng thời, cần kết hợp nguồn vốn từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và xã hội hóa nhằm huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp.

Về thiết bị dạy học, Bộ GD-ĐT cần ban hành danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương bổ sung thiết bị phù hợp với đặc thù vùng, miền. Việc mua sắm cần đảm bảo chất lượng, tránh lãng phí và trùng lặp.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng kho học liệu số dùng chung, hỗ trợ giáo viên tiếp cận tài nguyên mở. Chương trình Chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2022–2025 định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành đã xác định rõ mục tiêu “Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình GDPT; 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia” (Thủ tướng chính phủ, 2022).

4. *Nâng cao chất lượng quản trị và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường*

Trước hết, Bộ GD-ĐT cần ban hành hướng dẫn chi tiết, rõ ràng về quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, bảo đảm tính linh hoạt theo vùng miền, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh. Việc lập kế hoạch phải gắn với các điều kiện thực tế như sĩ số lớp, trình độ đội ngũ và nguồn học liệu sẵn có. Kế hoạch cũng cần xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cụ thể cho từng môn học, cấp học.

Cần trao quyền và tăng cường trách nhiệm cho nhà trường, trọng tâm là tổ chuyên môn trong việc chủ động thiết kế, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục. Việc phân cấp rõ ràng này sẽ khuyến khích các trường chủ động sáng tạo, đồng thời thúc đẩy tinh thần tự chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục. Việc sinh hoạt chuyên môn phải được thiết kế theo hướng nghiên cứu bài học thực chất, có phản hồi và điều chỉnh liên tục.

Ngoài ra, cũng cần có cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường để đảm bảo tính thực tiễn và hiệu quả. Các hình thức đánh giá không chỉ dựa trên hình

thức văn bản mà cần quan sát quá trình thực hiện thực tế tại lớp học. Cũng nên thiết lập cơ chế phản hồi từ giáo viên, phụ huynh và học sinh để hiệu chỉnh kế hoạch thường xuyên. Có cơ chế khen thưởng, ghi nhận sáng kiến nhà trường cũng nên được thiết lập để khuyến khích sáng tạo.

Bên cạnh những giải pháp nêu trên, để thực hiện tốt hơn CTGDPT 2018 trong giai đoạn tiếp theo thì yêu cầu chung nhất là cần phải có sự đầu tư, điều chỉnh, chuẩn bị kỹ lưỡng về SGK, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và kế hoạch giảng dạy.

KẾT LUẬN

CTGDPT 2018 là bước phát triển có tính chiến lược trong lộ trình hiện đại hóa giáo dục Việt Nam. Việc đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp và quản lý giáo dục đặt ra nhiều yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và cơ sở vật chất nhà trường. Sau 5 năm triển khai, chương trình đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, song vẫn còn không ít khó khăn, vướng mắc cần được nhìn nhận một cách khách quan và có hệ thống.

Để chương trình thật sự đi vào thực tiễn, cần có sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, sự linh hoạt trong quản lý địa phương, sự chủ động từ mỗi nhà trường và sự đồng hành của toàn xã hội. Những giải pháp được đề xuất trong bài viết - từ điều chỉnh nội dung, tăng cường bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất đến đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học, kỳ vọng sẽ góp phần tháo gỡ điểm nghẽn, nâng cao chất lượng triển khai chương trình trong những năm tiếp theo.

Thành công của CTGDPT 2018 không chỉ nằm ở những đổi mới về mặt kỹ thuật, mà còn phụ thuộc vào sự thay đổi tư duy giáo dục ở mọi cấp độ. Đó là tiền đề để xây dựng một nền giáo dục phát triển bền vững, vì người học và vì tương lai đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông (Ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*. Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020. Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024 - 2025 của ngành giáo dục*. Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT, ngày 23/8/2024. Hà Nội.
5. Bùi Ngọc Diệp (2022). Thực trạng triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong dạy học lớp Một, năm học 2020-2021: Góc nhìn từ giáo viên. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, tr.39-44.
6. Hiếu Nguyễn (2024, 10 12). *Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường: Còn nhiều khó khăn*. Được truy lục từ <https://giaoducthoidai.vn/xay-dung-ke-hoach-giao-duc-nha-truong-con-nhieu-kho-khan-post704407.html#:~:text=Gi%C3%A1o%20vi%C3%AAn%20ph%E1%BA%A3i%20t%E1%BB%B1%20t%C3%ACm,%E1%BA%A2nh%20minh%20h%E1%BB%8Da%20ITN>.
7. Khánh Chi (2025). *Năm học 2025-2026: Không thay đổi sách giáo khoa*. Được truy lục từ Báo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: <https://baobariavungtau.com.vn/xa-hoi/202506/nam-hoc-2025-2026-khong-thay-doi-sach-giao-khoa-1045890/>
8. Lê Phương (2024). *Dạy và học môn tích hợp vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức*. Được truy lục từ <https://thanhtra.com.vn/xa-hoi/giao-duc/day-va-hoc-mon-tich-hop-van-con-nhieu-kho-khan-thach-thuc-223762.html>

9. Nguyễn Hoa Trà (2021). *Nhiều sách giáo khoa nhưng lại bất cập chọn*. Được truy lục từ Trang thông tin điện tử của Hội luật gia Việt Nam: <https://www.nguoiduatin.vn/nhieu-sach-giao-khoa-nhung-lai-bat-cap-chon-204534968.htm>
10. Nguyễn Trọng Đức (2022). Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phổ thông. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, Tập 18, Số 08, tr.33-37.
11. Nguyễn Trọng Đức và nhóm nghiên cứu (2023). Thực trạng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Trung học cơ sở. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Trung tâm phát triển bền vững chất lượng giáo dục phổ thông quốc gia*, tr.8-18.
12. Phạm Thị Hồng Thắm (2023). Thực trạng áp lực lao động nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở trong giai đoạn thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Tập 19, số 6, tr.41-46.
13. Tuổi trẻ (2025). *Sẽ chỉnh sửa sách giáo khoa 4 môn học sau sáp nhập tỉnh, thành*. Được truy lục từ <https://tuoitre.vn/se-chinh-sua-sach-giao-khoa-4-mon-hoc-sau-sap-nhap-tinh-thanh-20250614221824281.htm>
14. Thái Bình (2023). *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục: Cơ sở vật chất vẫn chưa đáp ứng nhu cầu*. Được truy lục từ Tạp chí giáo dục Việt Nam: <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88251/211/doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-co-so-vat-chat-van-chua-dap-ung-nhu-cau/>
15. Thủ tướng chính phủ (2022). *Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*. Số 131/QĐ-TTg, ngày 25/1/2022. Hà Nội.
16. Trịnh Thu (2024). *Phát triển giáo dục cần ưu tiên đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính*. Được truy lục từ <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88911/212/phat-trien-giao-duc-can-uu-tien-dam-bao-dieu-kien-co-so-vat-chat-va-nguon-luc-tai-chinh/>
17. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023). *Giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*. Số: 686/NQ-UBTVQH15, ngày 18/9/2023. Hà Nội.